

Số: 1595/TTKSBT-TCGXDKH&LCNT

Quảng Ninh, ngày 01 tháng 8 năm 2023

V/v Yêu cầu báo giá

**Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam.**

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm vật tư, hóa chất, sinh phẩm phục vụ công tác chuyên môn của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh năm 2023 (đợt 3) với nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh.  
Địa chỉ: Số 651 Lê Thánh Tông, phường Bạch Đằng, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Ds. Đào Hồng Quang – Thư ký tổ CGXDKH&LCNT. Số điện thoại: 0972.176.288. Email tiếp nhận báo giá: [dauthau.quangninhcdc@gmail.com](mailto:dauthau.quangninhcdc@gmail.com).

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- *Nhận trực tiếp: Văn bản giấy được ký, đóng dấu hợp pháp gửi qua đường công văn về Tổ CGXDKH&LCNT Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh.*

*Địa chỉ: Số 651 Lê Thánh Tông, phường Bạch Đằng, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.*

- *Nhận qua email: Văn bản scan (theo mẫu tại phụ lục II và danh mục theo phụ lục I) về email [dauthau.quangninhcdc@gmail.com](mailto:dauthau.quangninhcdc@gmail.com).*

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 10h00 ngày 01 tháng 8 năm 2023 đến trước 10h00 phút ngày 14 tháng 8 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2023.

## **II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

1. Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị). *(Chi tiết danh mục và số lượng theo phụ lục I).*

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Hàng hóa được bảo quản, vận chuyển đúng quy định đến kho của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 30 ngày.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không áp dụng.

- Thanh toán: Bên mua thanh toán một lần 100% giá trị thực hiện hợp đồng cho bên bán sau khi hai bên ký kết biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng.

5. Các thông tin khác (nếu có).

*Lưu ý: Đề nghị các đơn vị báo giá cho toàn bộ mặt hàng thuộc phần báo giá và có thể báo giá cho một hoặc nhiều phần khác nhau.*

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh rất mong nhận được phản hồi thông tin từ quý công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

**GIÁM ĐỐC**

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Sở Y tế Quảng Ninh (để đăng tải);
- Phòng TCHC (để đăng tải);
- Lưu: VT, Tổ CGXDKH&LCNT

**Vũ Quyết Thắng**

## PHỤ LỤC I

(Kèm theo công văn số 1595/ TTKSBT-TCGXDKH&LCNT ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh)

TT	Danh mục	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc cao hơn)	ĐVT	Số lượng
<b>I</b>	<b>PHẦN 1: MÔI TRƯỜNG HÓA CHẤT KIỂM NGHIỆM NƯỚC THỰC PHẨM</b>			
1	Thạch XN colifom, ecoli bằng phương pháp lọc (Coliform Agar for microbiology Chromocult®)	Môi trường hiện màu Chromocult Độ hòa tan: 26.5 g/l	Hộp (500g/hộp)	01
2	Bactident Oxidase	Que thử nghiệm xác định vi khu+C159:C164 ản sinh cytochrome oxidase	Hộp (50 que/hộp)	02
3	Canh thang Lauryl Sulfate Broth	Môi trường nuôi cấy Thành phần Enzymatic Digest of Animal and Plant Tissues* 20 g/l; Lactose 5 g/l; K <sub>2</sub> HPO <sub>4</sub> 2.75 g/l; KH <sub>2</sub> PO <sub>4</sub> 2.75 g/l; NaCl 5 g/l; Sodium Lauryl Sulfate 0.1 g/l	Hộp (500g/hộp)	02
4	EC (Escherichia coli) broth	Môi trường nuôi cấy Thành phần môi trường Enzymatic Digest of Casein* 20 g/l; Lactose 5 g/l; Bile Salts Mixture** 1.5 g/l; K <sub>2</sub> HPO <sub>4</sub> 4 g/l; KH <sub>2</sub> PO <sub>4</sub> 1.5 g/l; NaCl 5 g/l	Hộp (500g/hộp)	01
5	Pepton đệm (Buffered Peptone Water)	Môi trường nuôi cấy Thành phần Peptone (includes Enzymatic Digest of Casein) 10 g/l; NaCl 5 g/l; Na <sub>2</sub> HPO <sub>4</sub> x 12 H <sub>2</sub> O 9 g/l; KH <sub>2</sub> PO <sub>4</sub> 1.5 g/l	Hộp (500g/hộp)	02
6	Peptone from casein (Tryptone)	Môi trường nuôi cấy Thành phần Peptone từ casein (tryptone)	Hộp (500g/hộp)	01
7	SS agar	Môi trường nuôi cấy thạch SS Thành phần phù hợp cho chọn lọc Salmonella và Shigella	Hộp (500g/hộp)	01
8	Thạch Nutrient agar	Môi trường nuôi cấy Tham khảo thành phần Peptone 5 g/l; Meat Extract 3 g/l; Agar-Agar* 12 g/l	Hộp (500g/hộp)	01
9	Thạch TBX (Tryptone Bile X-glucuronide) agar	Môi trường nuôi cấy Tham khảo thành phần gồm Enzymatic Digest of Casein 20 g/l; Bile Salts No. 3 1.5 g/l; 5-Bromo-4-chloro-3-indolylβ-D-glucuronic acid (BCIG) Cyclohexylammonium Salt 0.075 g/l; Agar 9-18 g/l	Hộp (500g/hộp)	01

TT	Danh mục	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc cao hơn)	ĐVT	Số lượng
10	Thạch đếm Plate Count Agar (PCA)	Môi trường nuôi cấy Thành phần gồm Enzymatic Digest of Casein** 5 g/l; Yeast Extract 2.5 g/l; Glucose 1 g/l; Agar 9-18 g/l	Hộp (500g/hộp)	01
11	Thạch Baird-Parker base	Môi trường nuôi cấy Tham khảo thành phần Enzymatic Digest of Casein* 10 g/l; Meat Extract** 5 g/l; Yeast Extract 1 g/l; Sodium Pyruvate 10 g/l; Glycine 12 g/l; Lithium Chloride 5 g/l; Agar 12-22 g/l	Hộp (500g/hộp)	01
12	Lòng đỏ trứng có Tellurite (Egg yolk tellurite emulsion)	Thành phần bổ sung Môi trường nuôi cấy Thành phần gồm Sterile Egg-Yolk 200 ml/l; NaCl 4.25 g/l; Potassium tellurite 2.1 g/l	Hộp (10x50ml/hộp)	02
13	Lòng đỏ trứng (Egg yolk emulsion)	Thành phần bổ sung Môi trường nuôi cấy Thành phần gồm Sterile Egg-Yolk 500 ml/l; NaCl 4.25 g/l	Lọ (100ml/lọ)	01
14	Thuốc thử coagulase (Bactident® Coagulase Rabbit plasma with EDTA, lyophilized)	Thuốc thử coagulase Thành phần có chứa huyết tương thỏ đông khô	Hộp (6x3ml/hộp)	01
15	Thạch TSC (Tryptose Sulfite Cycloserine) agar (base)	Môi trường nuôi cấy Thành phần Enzymatic digest of casein 15 g/l; Yeast Extract 5 g/l; Enzymatic digest of soya 5 g/l; Sodium disulfite 1 g/l; Iron (III) ammonium citrate 1 g/l; Agar 9-18 g/l	Hộp (500g/hộp)	01
16	Clostridium perfringens Selective Supplement	Thành phần bổ sung Môi trường chọn lọc Clostridium perfringens. Thành phần mỗi vial gồm 200 mg D-Cycloserine 50 mg 4-Methylumbelliferylphosphate Disodium salt	Hộp (10vial/hộp)	01
17	Môi trường LS (Lactose sulfite broth)	Môi trường nuôi cấy Cho 01 lít môi trường: - Tryptone...4,44 g - Yeast extract.2,22 g - Cysteine hydrochloride.0,27 g - Lactose.8,89 g	Hộp (Theo quy cách NSX)	01

TT	Danh mục	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc cao hơn)	ĐVT	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sodium chloride 2,22 g</li> <li>- Sodium metabisulfite 0,67 g</li> <li>- Ferric ammonium citrate 0,56 g</li> </ul>		
18	Thạch MYP (Mannitol egg yolk polymyxin) agar (base))	Môi trường nuôi cấy Thành phần Meat extract* 1 g/l; Enzymatic digest of casein 10 g/l; D-Mannitol 10 g/l; NaCl 10 g/l; Phenol red 0.025 g/l; Agar 12-18 g/l	Hộp (500g/hộp)	01
19	Thành phần bổ sung B.cereus selective supplement	Thành phần bổ sung Môi trường nuôi cấy Thành phần Polymixin B 50.000 units	Hộp (10vial/hộp)	01
20	Máu Cừu khử sợi huyết (Sheep Blood Defibrinated)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Máu cừu dùng trong pha chế các loại môi trường nuôi cấy vi khuẩn như: Blood D14 Muller Hinton Blood agar, Chocolate agar...</li> <li>- Đặc điểm kỹ thuật: Máu cừu đã được tách sợi huyết Đã được kiểm tra vô khuẩn. Không có kháng sinh Tỷ lệ hồng cầu cừu: 50-60%</li> <li>- Bảo quản: 2-8 độ, tránh ánh nắng trực tiếp</li> <li>- Đóng gói: chai thủy tinh 50-100-250ml</li> <li>- Hạn dùng: 3 tháng kể từ ngày sản xuất</li> <li>- Thời gian giao hàng: 4-5 ngày đặt hàng. Hạn dùng luôn luôn mới.</li> </ul>	Bịch/Chai (100ml/Bịch/Chai)	04
21	Canh thang Brilliant-green bile Lactose broth	Môi trường nuôi cấy chọn lọc để làm giàu và đếm E.coli và các coliform khác từ nước, thực phẩm theo phương pháp MPN	Hộp (500g/hộp)	02
22	Thạch Symphony agar	Symphony Agar cho phép đếm nấm men và nấm mốc trong tất cả các mẫu thực phẩm của người và động vật mà không cần kể đến hoạt độ của nước. Nó có thể được sử dụng để kiểm soát các mẫu môi trường của khu vực sản xuất. Mẫu nước cũng có thể được phân tích bằng các màng lọc. Môi trường này cho phép định lượng chỉ trong vòng 3 ngày thay vì 5 ngày đối với các phương pháp bình thường. THÀNH PHẦN ĐẶC TRƯNG Các thành phần có thể được điều chỉnh để có được hiệu suất tối ưu Trong 1liter môi trường:	Hộp (500g/hộp)	01

TT	Danh mục	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc cao hơn)	ĐVT	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Peptones 10.0 g</li> <li>- Glucose 18.0 g</li> <li>- Growth promoters 1.0 g</li> <li>- Selective system 1.0 g</li> <li>- Bacteriological agar 12 to 16.0 g</li> </ul>		
23	Thạch TCBS	Môi trường nuôi cấy phân lập <i>Vibrio</i> spp, thành phần môi trường theo ISO 21872 hoặc FDA-BAM	Hộp (500g/hộp)	01
24	Môi trường Slanetz and Bartley (Slanetz and Bartley Agar)	Môi trường nuôi cấy định lượng enterococci trong nước và các chất lọc khác theo phương pháp màng lọc. Thành phần môi trường theo ISO 7899-2	Hộp (500g/hộp)	01
25	Bile Aesculin Azide Agar	Bile Aesculin Azide Agar, Theo ISO 7899-2 môi trường chọn lọc được sử dụng để phân lập và xác định giả định của Streptococci	Hộp (500g/hộp)	01
26	Thạch King's B (King's B agar base)	Môi trường nuôi cấy Thành phần Proteose peptone 20.0; magnesium sulfate 1.5; tri-potassium phosphate 3-hydrate 1.8; agar-agar 10.0.	Hộp (500g/hộp)	01
27	Canh thang Acetamid (Acetamid broth)	Môi trường nuôi cấy PH: 7,0 ± 0,5 (H <sub>2</sub> O, 25 °C) Bảo quản: +15°C to +25°C.	Hộp (500g/hộp)	01
28	Màng lọc 0.45μ (Filter Cellulose Nitrate)	Kích thước màng lọc: Ø 47mm Chất liệu: Cellulose Nitrate (CN; Cellulose Mixed Ester) Kích thước lỗ lọc: 0.45 μm	Hộp (100miếng/hộp)	20
29	Thạch bột	Thành phần bổ sung môi trường nuôi cấy làm đông môi trường	Hộp (1000g/hộp)	01
30	Thạch Sabouraud (SABOURAUD 4% dextrose agar)	Môi trường nuôi cấy Thành phần Peptone from Casein 5 g/l; Peptone from Meat 5 g/l; D (+)-Glucose (= Dextrose) 40 g/l; Agar-Agar 15 g/l	Hộp (500g/hộp)	01
31	Bộ ống test định danh sinh hóa vi khuẩn (Gồm 4 ống: KIA, Mannit di động, Ure-indole; LDC)	Bộ ống test định danh sinh hóa vi khuẩn (Gồm 4 ống: KIA, Mannit di động, Ure-indole; LDC)	Bộ (04 ống/bộ)	100
32	Pseudomonas CN Selective	Thành phần bổ sung môi trường Pseudomonas chọn lọc	Hộp	01

TT	Danh mục	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc cao hơn)	ĐVT	Số lượng
	supplement	Thành phần mỗi vial gồm Cetrимide 0.1g; Nalidixic acid 0.0075	(10vial/hộp)	
33	Canh thang EE Broth-MOSSEL	môi trường nuôi cấy Thành phần Peptone from Gelatine 10 g/l; D (+)-Glucose 5 g/l; Ox Bile dried 20 g/l; Brilliant Green 0.015 g/l; Na <sub>2</sub> HPO <sub>4</sub> * 2 H <sub>2</sub> O 8 g/l; KH <sub>2</sub> PO <sub>4</sub> 2 g/l	Hộp (500g/hộp)	01
<b>II</b>	<b>PHẦN 2: VẬT TƯ, HÓA CHẤT DÙNG CHUNG KHÁM CHỮA BỆNH</b>			
1	Găng tay y tế không bột (Polymer 2 mặt)	Sản xuất từ cao su thiên nhiên trên dây chuyền đạt tiêu chuẩn ISO9001:2008, có độ cong phù hợp, đàn hồi tốt, cường độ kéo đứt min 20 Mpa tạo cảm giác thật khi sử dụng, Hàm lượng bột: ≤2mg/găng Hàm lượng protein: ≤2μg/dm <sup>2</sup> Sức kéo: Trước lão hóa: 6N min Sau lão hóa: 6N min	Đôi (50 đôi/ hộp)	8.000
2	Găng khám có bột	găng latex có bột, mặt ngoài găng có độ nhám ma sát khi cầm nắm, mức tổng lượng protein < 50μg/g	Hộp (50 đôi/ hộp)	152
3	Khẩu trang y tế 4 lớp	Có 4 lớp, có lớp vi lọc ở giữa hiệu suất lọc 99,52%, trọng lượng 3,51gram/cái. Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016	Cái (50 cái/hộp)	25.000
4	Bơm tiêm sử dụng một lần (5 ml)	Bơm tiêm nhựa liền kim 5ml; cỡ kim 25G x 1". Vỏ xy lanh và pitton làm bằng nhựa y tế không chứa DEHP. Kim tiêm làm bằng thép không gỉ. Đầu kim vát. Đốc kim làm bằng chất dẻo. Không độc, không có chất gây sốt. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn (ISO 13485, TCVN 5903) hoặc tương đương	Chiếc (01 chiếc/ túi)	30.100
5	Cồn 90 độ	Trong suốt, không màu; Hàm lượng Ethanol 89.9% - 90.5%; Ph: 6-6.8; Cặn không bay hơi: <0.05%	Chai (1000ml/chai)	200
6	Ống nghiệm chân không EDTA K3 HTM 2.0ml	Vô trùng tuyệt đối. Dùng một lần. Ống nghiệm EDTA K2 màu tím, ống nhựa kích thước 13x75 mm, chất liệu ống nghiệm bằng nhựa PET, thân ống màu trắng trong suốt, nắp cao su bọc nhựa màu tím, trong ống chứa dung	Ống (100 ống/ khay)	20.000

TT	Danh mục	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc cao hơn)	ĐVT	Số lượng
		dịch DikaliEDTA không màu. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001, ISO 13485		
7	Ống nghiệm lấy máu chân không chứa chất chống đông NaF + K3 EDTA 2 ml	Ống nghiệm chân không chứa hoạt chất chống đông NaF + K3 EDTA, sử dụng trong xét nghiệm đường huyết. Chất liệu ống được làm bằng nhựa PET trong suốt. Nắp ống được làm từ cao su và nhựa PE. Màu nắp: xám	Ống (1000 ống/thùng)	8.000
8	Ống nghiệm nhựa PP 5ml	Kích thước ống: 12x75mm, 13x75mm (cho thể tích 5ml). Ống nghiệm được sản xuất bằng nhựa PP trắng đục tinh khiết trung tính không phản ứng với các loại hóa chất chứa bên trong, đảm bảo các ống đồng nhất về kích thước và chất lượng. có nắp (màu nắp tùy theo nhu cầu từ người sử dụng). Thành ống dày đảm bảo chịu được lực quay ly tâm 5000 vòng/phút mà không bị rạn nứt. Có nhãn hoặc không nhãn (tùy theo nhu cầu từ người sử dụng). Không có chất bôi trơn nên không gây nguy cơ nhiễm bản mẫu thử.	Ống (100 Ống/Khay)	30.000
9	La men kích thước 22x60mm	Làm bằng thủy tinh siêu trong suốt (borosilicate), có đặc tính quang học lý tưởng, ổn định, cấu trúc phân tử, độ phẳng đồng nhất và kích thước đồng nhất. Ứng dụng được đề xuất: dùng trong mô học, tế bào học, phân tích nước tiểu và vi sinh - Tiêu chuẩn nhà sản xuất/đơn vị sản xuất ISO 13485 - Kích thước (22x60) mm	Cái (100 cái/ hộp)	1.000
10	Bông không thấm nước	Được làm từ 100% bông tự nhiên, đã được chải qua để loại bỏ tạp chất. • Sản xuất theo tiêu chuẩn Dược Điển Việt Nam. • Kết cấu mịn màng và mềm mại. • Không thấm nước.	Kg (01 kg/túi)	50
11	Giấy gói dụng cụ	- Giấy chịu nhiệt sử dụng gói đồ dùng hấp sấy khử trùng. - Kích thước 120 x 150 cm/ tờ.	Kg (16 tờ/kg)	36
12	Đĩa Petri bằng nhựa	Bằng nhựa, $\phi 60 \times 16$ mm	Túi (10 cái/túi)	100
13	Kéo 18cm thẳng, 2 đầu nhọn	Chất liệu hợp kim không gỉ, sắc bén, thích hợp dùng trong phẫu thuật.	Cái (01 cái/gói)	10



TT	Danh mục	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc cao hơn)	ĐVT	Số lượng
14	Cốc thủy tinh có mỏ chia vạch 1000ml	- Cốc có mỏ giúp dễ dàng cho việc rót ra. - Tăng khả năng chịu lực nhờ tăng độ dày thành. Vành dày, cứng. - Độ dày thành cốc đồng nhất, lý tưởng cho các ứng dụng có nhiệt độ cao.	Cái	02
15	Bình tam giác 1000ml có chia vạch	Chất liệu: Thủy tinh. Thang chia vạch dễ đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao. Độ dày thành bình đồng nhất, lý tưởng cho các ứng dụng có nhiệt độ cao	Cái	02
16	Bộ Phễu lọc vi sinh thủy tinh	Bao gồm phễu thủy tinh, đế lọc, kẹp và nút silicon	Bộ	06
17	Cốc cỏ mỏ 50mL	Làm bằng chất liệu thủy tinh, có khả năng chống ăn mòn hóa học cao khi tiếp xúc với nước, axit, muối hoặc các vật chất sống. Dung tích 50ml	Cái (10 cái/hộp)	10
18	Bát sứ có mỏ 200ml	Chất liệu sứ chịu nhiệt nhỏ hơn 300 độ C Dung tích 200ml	Hộp (10 cái/hộp)	10
19	Khẩu trang than hoạt tính	Thành phần của khẩu trang than gồm: Vải không dệt, vải lọc, vải than hoạt tính, vải không dệt, dây đeo, gọng nhựa. Khẩu trang được sử dụng để ngăn ngừa và lọc bụi, lọc khí, lọc mùi, ... Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2017, ISO 9001:2015.	Cái (50 cái/hộp)	4000
20	Giấy lọc không tro	chất liệu: Cellulose. Đường kính: 11cm	Hộp (100 cái/hộp)	01
21	Dung dịch rửa tay	Dung dịch rửa tay chứa Ethanol 70% (w/w), Isopropanol 2,5% (w/w)	Chai (01 lít/chai)	133
22	Dung dịch nước muối sinh lý 0,9%	Thành phần: NaCl 0,9%. Dung dịch dùng để rửa vết thương. Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001 hoặc tương đương	Chai (01 lít/chai)	125
23	Dung dịch sát khuẩn da APM Povidone	Chứa hoạt chất Povidone Iodine, có khả năng sát khuẩn da. (nhà thầu chào thông số kỹ thuật bổ sung)	Chai (500ml/chai)	24
24	Dung dịch Axit acetic 3%	Thành phần là Acid acetic (CH <sub>3</sub> COOH) 3-5%	Chai (500ml/chai)	20
25	Dung dịch Lugol 3%	Dung dịch có chứa kali iodide cùng iod tan trong nước, mỗi 20 ml chứa: Iod 0,2g; kali Iodid 0,4g	Chai (500ml/chai)	20
26	Viên nén khử khuẩn bề mặt, khử	Thành phần: Sodium Dichloroisocyanurate Anhydrou (NaDCC) 50% (2,5g	Hộp	05

TT	Danh mục	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc cao hơn)	ĐVT	Số lượng
	khuẩn dụng cụ và thiết bị y tế	trên viên 5g)	(100 viên/hộp)	
27	Cồn 70 độ VP	Cồn y tế thành phần hóa học là C <sub>2</sub> H <sub>6</sub> O hoặc C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH trong đó Ethanol 70% chủ yếu được pha loãng từ dung dịch Ethanol 96%.	Chai (500ml/chai)	10
28	Bông y tế thấm nước	Chất liệu: bông tự nhiên đã loại mỡ (100% Cotton), tẩy trắng và làm toi. Không gây kích ứng da. Cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Kg (Thùng/ 15 cuộn/ 01 kg)	17
29	Băng cuộn y tế 5cm x 2,5m	Thành phần là 100% cotton.	Cuộn (20 cuộn/gói)	20
30	Băng dính 2,5cm x 5m	Vải lụa, Kẽm oxyd	Cuộn (12 cuộn/hộp)	12
31	Dao tháo cấy	Làm bằng thép không gỉ hoặc thép carbon. Các loại thép không gỉ này thường có độ cứng 700 HV, hoặc 58,5 HRC.	Cái (100 cái/hộp)	100
32	Mỏ vịt nhựa khám phụ khoa	Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP. Độ cứng cao, trơn, nhẵn. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Cái (200 cái/thùng)	5.000
33	Nón phẫu thuật dạng xếp	Chất liệu vải 100% không dệt, bo thun ôm sát vòng đầu, thoáng khí. Đóng gói tiệt khuẩn từng cái	Cái (1 cái/gói, 100gói/túi)	100
34	Gel bôi trơn Kly	Thành phần: Nước, Glycerin, Hydroxyethylcellulose, Gluconolactone, Chlorhexidine Digluconate, Methyl paraben, Natri Hydroxid.	Tuýp	100
35	Gạc 5cm x 6.5cm	Sợi cotton 100% (hoặc tương đương trở lên), hút nước. Sản phẩm được tiệt trùng	Gói	20
36	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng (loại cao su)	Găng tay y tế tiệt trùng các số 6,5 -7 -7,5; tiệt trùng bằng khí EO; Đóng gói: 1 mặt giấy và 1 mặt ny lon trong suốt, tiệt trùng. Cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái (800 cái/ thùng)	300
37	Băng gạc băng mắt 5cm x 7cm x 8 lớp, (tiệt trùng)	Nguyên liệu: sợi cotton 100%, hút nước, Quy cách: 5cm x 7cm x 8 lớp, Loại: tiệt trùng (bằng khí EO), Đóng gói: 10 miếng/ gói	Miếng (10 miếng/gói)	500
38	Gạc cầu đa khoa fi 30mm x 2 lớp, tiệt trùng	Thành phần: Gạt hút nước 100% cotton, Quy cách: fi 30mm x 2 lớp, tiệt trùng	Cái (10 cái/gói)	500
39	Dung dịch Làm sạch dụng cụ y tế	Enzyme Protease: 4% w/w; Enzyme Lipase: 0.5% w/w; Enzyme Amylase:	Can	04

<b>TT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật</b> <i>(hoặc tương đương hoặc cao hơn)</i>	<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng</b>
	hoạt tính enzyme THA ENZYME 4 loại 05 lít	0.3% w/w; Alcohol Ethoxylate: 8% w/w; Chất chống ăn mòn kim loại và cùng một số Enzyme, chất phụ gia hỗ trợ khác vừa đủ 100%.	(5 lít/can)	
40	Dung dịch ngâm tiệt khuẩn/ khử khuẩn cấp độ cao các dụng cụ, thiết bị y tế, thiết bị nội soi.	Thành phần tối thiểu gồm: glutaraldehyde 2% + pH 6, là dung dịch pha sẵn không cần hoạt hóa. Thời gian ngâm khử khuẩn mức độ cao ≤ 10 phút, sử dụng trong vòng 30 ngày. Đạt tiêu chuẩn: (ISO 9001, ISO 13485) hoặc tương đương Quy cách đóng gói: Can ≥ 5 lít	Can (5 lít/can)	05
41	Sò đánh bóng răng	Cốc chứa 1,23% APF để làm sạch và đánh bóng vượt trội. Gồm nhiều hương vị khác nhau	Cái (80 cái/hộp)	100
42	Xốp cầm máu trong nha khoa 10x10x10mm (Cutanplast Dental)	Xốp cầm máu tự tiêu gelatin 10x10x10 mm dùng trong nha khoa. Dễ dàng sử dụng. Sản xuất tại Châu Âu tiêu chuẩn ISO, CE và ISO13485	Miếng (24 miếng/hộp)	48
43	Kim tiêm nha khoa - Shinject 30G S 21mm (100761-S21)	Kích thước kim 30G (0.3) x 21mm Đạt tiêu chuẩn (ISO 13485, CE) hoặc tương đương	Hộp (100 cái/hộp)	01
44	Chỉ khâu không tiêu Politer 2/0 25 1/2 round bodied (double),90 cm, green	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi polypropylene, số 2/0, sợi chỉ dài ≥ 90cm, kim thân tam giác, độ cong kim 3/8 vòng tròn, dài 24mm.Được tiệt trùng.Đóng gói vô trùng từng sợi Đạt tiêu chuẩn (FDA, ISO 13485) hoặc tương đương	Tép (12 tép/hộp)	36
45	Đè lưỡi gỗ	Vật liệu bằng gỗ, không mùi, khử trùng bằng khí EO, không gây độc, không gây kích thích, dùng một lần, kích thước 150x20x2mm.Có bao bảo vệ, túi 1 cái. Hộp 100 cái	Chiếc (100 chiếc/hộp)	13.000
46	Giấy điện tim 6 cần	Giấy in nhiệt kiểu xấp, kích thước 110mm x 140mm, túi 1 tệp x 143sheet. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	Xấp (60 xấp/thùng)	130
47	Giấy in siêu âm	Giấy dùng để in hình ảnh siêu âm đen trắng dùng cho máy in ảnh đen trắng SONY model UP - 897MD x 20 mét. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	Cuộn (10 cuộn/hộp)	50
48	Fuji 9 màu A3.5	Hộp 15 gam	Hộp	01
49	Xi măng trám răng hóa trùng hợp	Dạng bột và nước. Hộp gồm 1 lọ bột 15 gam và 1 lọ nước 8ml. Đạt tiêu chuẩn ISO.	Hộp	01
50	Hóa chất phun diệt muỗi	Hoá chất diệt muỗi	Chai	25

TT	Danh mục	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc cao hơn)	ĐVT	Số lượng
		Tiêu chuẩn kỹ thuật: - Thành phần hoạt chất: Permethrin 50% - Quy cách đóng gói: 01 lít/ chai	(01 lít/chai)	
51	Ống thổi chức năng hô hấp	Đường kính 20mm-24mm, chiều dài 75mm-90mm; Chất liệu: Giấy	Ống (100 ống/hộp)	50000

## PHỤ LỤC II

### Báo giá hàng hóa (Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Quảng Ninh)

(Kèm theo công văn số 1595/TTKSBT-TCGXDKH&LCNT ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Quảng Ninh)

## BÁO GIÁ

**Kính gửi: ... [Ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của ... [Ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi ... [Ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp, trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

### 1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

Stt	Danh mục thiết bị y tế <sup>(2)</sup>	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất <sup>(3)</sup>	Mã HS <sup>(4)</sup>	Năm sản xuất <sup>(5)</sup>	Xuất xứ <sup>(6)</sup>	Số lượng/ khối lượng <sup>(7)</sup>	Đơn giá <sup>(8)</sup> (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan <sup>(9)</sup> (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) <sup>(10)</sup> (VNĐ)	Thành tiền <sup>(11)</sup> (VNĐ)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu minh chứng về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [Ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [Ghi ngày ... tháng ... năm ... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục 1 – Yêu cầu báo giá].

### 3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày ... tháng ... năm ...

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp<sup>(12)</sup>**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))